

**DANH MỤC BÀI TOÁN LỚN VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2026**

(Kèm theo Thông báo số 77/TB-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
1	Triển khai thu phí không dừng tại bến xe, bãi đỗ trong đô thị, đánh giá hiệu quả để cải thiện quản lý giao thông, thúc đẩy văn minh đô thị	<ul style="list-style-type: none">- Hệ thống thu phí không dừng áp dụng tại các bến xe, bãi đỗ xe (tích hợp nhận diện phương tiện, thanh toán điện tử, kết nối dữ liệu).- Phần mềm quản lý, giám sát tập trung phục vụ cơ quan quản lý nhà nước trong theo dõi, điều hành hoạt động bến xe, bãi đỗ.- Cơ sở dữ liệu số hóa về lưu lượng phương tiện, thời gian đỗ, tần suất sử dụng bãi đỗ.- Mô hình thí điểm tại một số bến xe, bãi đỗ trọng điểm trong đô thị.- Bộ quy trình vận hành,	<ul style="list-style-type: none">- Tỷ lệ bến xe, bãi đỗ áp dụng thu phí không dừng trên tổng số điểm quản lý.- Tỷ lệ giao dịch thu phí thực hiện không dừng tiền mặt (%).- Thời gian trung bình ra/vào bến, bãi của phương tiện giảm so với trước khi triển khai.- Mức độ minh bạch, chính xác trong quản lý doanh thu (giảm thất thoát).- Số lượng dữ liệu được kết nối, chia sẻ phục vụ công tác	Sở Xây dựng	<ul style="list-style-type: none">- Giai đoạn xây dựng hệ thống, thí điểm: đến hết năm 2027.- Giai đoạn đánh giá, hoàn thiện: năm 2028.- Giai đoạn nhân rộng toàn tỉnh: từ năm 2029 trở đi.	Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 10/01/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ năm 2026.

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
		hướng dẫn kỹ thuật và phương án nhân rộng trên địa bàn tỉnh	quản lý giao thông. - Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ.			
2	Phát triển và nhân rộng mô hình sản xuất, tiêu thụ năng lượng tái tạo phân tán trên địa bàn tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ mô hình chuẩn về sản xuất và sử dụng năng lượng tái tạo phù hợp với điều kiện địa phương (doanh nghiệp, hộ gia đình, mô hình cộng đồng năng lượng). - Hệ thống cơ sở dữ liệu và bản đồ tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo phân tán trên địa bàn tỉnh. - Quy trình/hướng dẫn kỹ thuật và cơ chế triển khai các mô hình tự sản xuất – tự tiêu thụ điện. - Mô hình thí điểm triển khai thực tế (tại doanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng mô hình được xây dựng và đưa vào vận hành thực tế (≥ 04 mô hình). - Tỷ lệ doanh nghiệp/hộ gia đình tham gia áp dụng mô hình năng lượng tái tạo phân tán. - Tổng công suất lắp đặt năng lượng tái tạo phân tán tăng thêm (0,520 MW). - Sản lượng điện năng tái tạo tự sản xuất, tự tiêu thụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công Thương. - Phối hợp: + Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. + UBND các xã, phường (triển khai mô hình tại cộng đồng, hộ gia đình). + Các đơn vị điện lực, đơn vị phát điện năng lượng tái tạo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn xây dựng, hoàn thiện mô hình và cơ chế: đến hết năm 2027 - Giai đoạn triển khai thí điểm và đánh giá: năm 2028 - Giai đoạn nhân rộng: từ năm 2029 trở đi 	Kế hoạch 60/KH-UBND ngày 26/02/2026 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 328/NQ-CP ngày 13/10/2025 của Chính phủ, Kế hoạch số 14-KH/TU ngày 13/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
		ngành, khu dân cư hoặc cụm công đồng năng lượng).	(570.000 kWh/năm). - Mức giảm phát thải khí nhà kính hoặc tiết kiệm chi phí năng lượng so với trước khi triển khai.			về đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
3	Nghiên cứu, thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ bác sĩ phân tích, đọc và gợi ý chẩn đoán hình ảnh X-quang, CT Scanner, MRI tại 01 cơ sở y tế đủ điều kiện, bảo đảm an toàn pháp lý và phù hợp năng lực thực	- Bộ mô hình AI hỗ trợ chẩn đoán hình ảnh. + Mô hình xử lý ảnh X-quang, CT Scanner, MRI (ưu tiên các bệnh lý phổ biến). + Tích hợp chức năng gợi ý chẩn đoán, đánh dấu vùng nghi ngờ (heatmap). + Phần mềm/hệ thống ứng dụng thí điểm - Giao diện sử dụng cho bác sĩ (web/app). - Bộ dữ liệu huấn luyện và kiểm thử (đã chuẩn hóa)	- Độ chính xác mô hình + $\geq 85\%$ (đối với từng loại ảnh/bệnh lý chính). + So sánh với kết quả đọc của bác sĩ chuyên khoa. - Thời gian xử lý ảnh - Tỷ lệ sai lệch nghiêm trọng - Số lượng ca bệnh thí điểm - Mức độ tuân thủ pháp lý: Không phát	- Sở Y tế. - Cơ sở y tế thí điểm (01 đơn vị đủ điều kiện).	- Giai đoạn 1 – Chuẩn bị: + Thu thập, chuẩn hóa dữ liệu. + Xây dựng khung pháp lý, thỏa thuận chia sẻ dữ liệu. - Giai đoạn 2 – Phát triển mô hình: + Huấn luyện, kiểm thử mô hình AI. + Xây dựng phần mềm thử nghiệm. - Giai đoạn 3 – Thí điểm tại cơ sở y tế: + Triển khai thực tế. + Thu thập phản hồi	Trên cơ sở Kế hoạch 81/KH-UBND ngày 10/3/2026 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch hành động số 11-KH/TU, ngày 31/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72/NQ-TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá,

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
	tiền	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình kỹ thuật và quy trình chuyên môn - Báo cáo đánh giá kết quả thí điểm. 	sinh vi phạm về bảo mật, an toàn thông tin.		<ul style="list-style-type: none"> bác sĩ, hiệu chỉnh hệ thống. - Giai đoạn 4 – Đánh giá, hoàn thiện + Đánh giá tổng thể (kỹ thuật, chuyên môn, pháp lý). + Báo cáo, đề xuất nhân rộng. 	tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân
4	Phát triển hệ sinh thái giáo dục số thông minh ứng dụng công nghệ tiên tiến (AI, dữ liệu lớn) phục vụ đổi mới dạy học, kiểm tra đánh giá và quản trị giáo dục trên địa bàn tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Nền tảng giáo dục số tích hợp (quản lý dạy – học, kiểm tra đánh giá, quản trị nhà trường, kết nối dữ liệu toàn ngành). - Hệ thống học liệu số, sách giáo khoa và giáo trình thông minh (có khả năng tương tác, cá thể hóa nội dung học tập). - Các mô-đun ứng dụng AI trong hỗ trợ giảng dạy, học tập, kiểm tra – đánh giá (chấm điểm tự động, phân tích năng lực học sinh, gợi ý lộ trình học tập). 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai nền tảng giáo dục số và mô hình lớp học thông minh. - Tỷ lệ học liệu, giáo trình được số hóa và đưa vào sử dụng. - Tỷ lệ giáo viên, học sinh tham gia sử dụng hệ thống (mức độ thường xuyên). - Số lượng hoạt động dạy học, kiểm tra – đánh giá được hỗ trợ 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Giáo dục và Đào tạo (chủ trì tiếp nhận, tổ chức triển khai và quản lý). - Phối hợp: <ul style="list-style-type: none"> + Các cơ sở giáo dục (trường học các cấp). + Sở Khoa học và Công nghệ (hỗ trợ về công nghệ, tiêu chuẩn, đánh 	<ul style="list-style-type: none"> Giai đoạn xây dựng nền tảng, thí điểm: đến hết năm 2027 Giai đoạn đánh giá, hoàn thiện: năm 2028 Giai đoạn nhân rộng toàn tỉnh: từ năm 2029 trở đi 	Trên cơ sở Kế hoạch 76/KH-UBND ngày 08/3/2026 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 09-KH/TU ngày 11/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
		<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình trường học số, lớp học thông minh (trang thiết bị, phần mềm, phương thức tổ chức dạy học). - Hệ thống dữ liệu giáo dục tập trung (Big Data) phục vụ phân tích, dự báo và hỗ trợ ra quyết định quản lý. - Quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn triển khai, nhân rộng trên toàn tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> bởi AI. - Mức giảm thời gian, chi phí trong công tác quản lý, kiểm tra, đánh giá. - Mức độ cải thiện kết quả học tập và năng lực người học (qua các chỉ số đánh giá). - Mức độ hài lòng của giáo viên, học sinh và phụ huynh. 	<ul style="list-style-type: none"> giá). + Các doanh nghiệp công nghệ số, đơn vị cung cấp nền tảng giáo dục. 		về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo
5	Nghiên cứu, xây dựng dữ liệu nguồn tài nguyên dược phát triển dược liệu và y học cổ truyền của tỉnh Lạng Sơn.	- Đánh giá được hiện trạng nguồn tài nguyên cây thuốc, tri thức truyền thống sử dụng cây thuốc, bài thuốc của một số cộng đồng dân tộc tình hình khai thác và sử dụng dược liệu trên địa bàn của tỉnh Lạng Sơn.	- Nghiên cứu xây dựng cấu trúc dữ liệu về nguồn tài nguyên cây thuốc, công tác phát triển dược liệu và y học cổ truyền của tỉnh Lạng Sơn phục vụ ngành y tế, du lịch và phát triển	- Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế ứng dụng trong việc xây dựng đề án phát triển dược liệu, khai thác và sử dụng dược liệu.	Giai đoạn 2026 - 2028	Trên cơ sở định hướng đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2026.

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
	<p>Son phục vụ ngành y tế, du lịch và phát triển kinh tế xã hội.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về tình hình phát triển dược liệu gắn với du lịch và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. - Xây dựng được hệ thống dữ liệu nguồn tài nguyên dược liệu, công tác phát triển dược liệu và y học cổ truyền của tỉnh Lạng Sơn phục vụ ngành y tế, du lịch và phát triển kinh tế xã hội. - Biên soạn và xuất bản được sách về Tài nguyên cây thuốc tỉnh Lạng Sơn. 	<p>kinh tế xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu xây dựng dữ liệu về nguồn tài nguyên cây thuốc của tỉnh Lạng Sơn - Nghiên xây dựng dữ liệu về tri thức bản địa sử dụng cây thuốc, bài thuốc của một số dân tộc ở tỉnh Lạng Sơn - Nghiên cứu xây dựng dữ liệu về tình hình khai thác, sử dụng dược liệu của tỉnh Lạng Sơn - Nghiên cứu xây dựng dữ liệu về tình hình phát triển dược liệu, y học cổ truyền gắn với du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi cục Kiểm lâm - là cơ quan có chức năng quản lý tài nguyên rừng, sẽ nắm được những loài cây thuốc nào thuộc diện quản lý cấp quốc gia hiện có tại địa phương để có kế hoạch bảo tồn và phát triển. - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc xây dựng đề án phát triển du lịch. 		

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
			<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu các giải pháp bảo tồn, phát triển dược liệu gắn với y học cổ truyền, du lịch và phát triển kinh tế - xã hội - Biên soạn và xuất bản được sách về Tài nguyên cây thuốc tỉnh Lạng Sơn. 			
6	<p>Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhận biết một số loài cây đặc hữu quý hiếm, cây mục đích trong rừng tự nhiên nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.</p>	<p>Xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhận biết một số loài cây đặc hữu, quý, hiếm, cây mục đích trong rừng tự nhiên nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được 01 bộ cơ sở dữ liệu một số loài cây đặc hữu, quý, hiếm, cây mục đích trong rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; - Xây dựng được 01 Atlas trên nền tảng phần mềm để giới thiệu về một số loài 	<p>Chi cục kiểm lâm, các hạt kiểm lâm, các khu bảo tồn thiên nhiên, Ban quản lý rừng, đơn vị du lịch sinh thái, khu di tích lịch sử,... trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.</p>	<p>Giai đoạn 2026 - 2028</p>	<p>Trên cơ sở định hướng đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2026.</p>

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Cơ sở đề xuất
	bàn tỉnh Lạng Sơn		<p>cây đặc hữu, quý, hiếm, cây mục đích trong rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;</p> <p>- Xây dựng được 01 phần mềm quản lý, nhận diện được một số loài cây đặc hữu, quý, hiếm, cây mục đích trong rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;</p> <p>- Tổ chức được 01 lớp tập huấn cho các bên liên quan về nhận biết một số loài cây đặc hữu, quý, hiếm, cây mục đích trong rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.</p>			

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
7	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và nhân rộng các mô hình từ kết quả nghiên cứu nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội hai con số của tỉnh	Nhân rộng trên 40 mô hình từ kết quả nghiên cứu khoa học	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu đánh giá kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án khoa học và công nghệ đã nghiệm thu được Hội đồng khoa học và công nghệ khuyến nghị có khả năng nhân rộng dựa trên hiệu quả kinh tế - xã hội, điều kiện áp dụng và nhu cầu của địa phương. - Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên kết với các đơn vị nghiên cứu tổ chức xây dựng các mô hình nhân rộng các kết quả nghiên cứu khoa học nhằm đẩy nhanh sản xuất tạo ra các sản phẩm hàng hóa có giá trị lưu thông trên thị trường. - Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù 	Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Giai đoạn 2026 - 2027	Trên cơ sở định hướng đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2026.

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
			hỗ trợ các tổ chức cá nhân tiếp nhận các quy trình công nghệ được tạo ra từ các nghiên cứu khoa học; hỗ trợ xây dựng và hoàn thiện bộ nhân diện thương hiệu cho các sản phẩm; hỗ trợ tổ chức sản xuất, tiêu thu và thương mại hóa sản phẩm, mở rộng thị trường...			
8	Phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu của tỉnh	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu (Data Center) phục vụ chương trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, Triển khai IPv6 cho và bổ sung các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin cho Trung tâm tích hợp dữ liệu. Nâng cấp hệ thống Data Lake của tỉnh thành nền tảng Data Lakehouse, hình	- Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh được đầu tư nâng cấp bảo đảm năng lực xử lý, lưu trữ, kết nối và an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin, nền tảng số và cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số của tỉnh trong giai đoạn 2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Bắt đầu triển khai từ năm 2026	Trên cơ sở triển khai nhiệm vụ năm 2026.

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
		thành hạ tầng dữ liệu hiện đại, tích hợp, có khả năng phân tích và khai thác dữ liệu phục vụ chuyển đổi số của tỉnh; xây dựng, triển khai nền tảng phân tích mô hình AI/ML phục vụ công tác phân tích dữ liệu, dự báo và hỗ trợ ra quyết định trong hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.	- 2030. - Hệ thống Data Lake của tỉnh được nâng cấp thành nền tảng Data Lakehouse và triển khai nền tảng phân tích mô hình AI/ML phục vụ công tác phân tích dữ liệu.			
9	Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) tỉnh Lạng Sơn	Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) nhằm tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành của tỉnh	Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) sử dụng các công nghệ tiên tiến như AI, Big Data... Các dữ liệu sau khi được xử lý sẽ là đầu vào cho Hệ thống IOC của tỉnh, góp phần hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định và hoạch định các chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Dự kiến hoàn thành trong năm 2026	Trên cơ sở yêu cầu triển khai các nhiệm vụ năm 2026; xác định là bài toán lớn cần ưu tiên tổ chức thực hiện ngay trong năm 2026

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Cơ sở đề xuất
			sách cho tỉnh. Giúp thực hiện thu thập, tổng hợp, lưu trữ dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của ngành, địa phương về để phân tích, xử lý và cảnh báo; là công cụ phân tích dữ liệu phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo và tham mưu giúp lãnh đạo ra quyết định dựa trên dữ liệu số như: số liệu báo cáo chỉ đạo, điều hành, số liệu phân tích tổng hợp, số liệu cảnh báo, số liệu theo thời gian thực...			
10	Triển khai giải pháp Trạm số hóa	Trạm số hóa (Kiosk AI - Dịch vụ công trực tuyến, định dạng dữ liệu điện tử)	Người dân, doanh nghiệp có thể trực tiếp sử dụng Trạm số	- Người dân, doanh nghiệp trên địa bàn	Quý IV/2026	Trên cơ sở yêu cầu triển khai các nhiệm vụ năm

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
	phục vụ người dân giải quyết TTHC (Kiosk AI – Dịch vụ công trực tuyến, định dạng dữ liệu điện tử)	được triển khai tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, phục vụ người dân giải quyết thủ tục hành chính.	hóa để số hóa giấy tờ, hồ sơ từ bản cứng sang bản mềm ngay tại quầy và tự động trích xuất thông tin sang các biểu mẫu hồ sơ TTHC, giúp giảm thiểu tối đa khối lượng nhập liệu thủ công; các thành phần hồ sơ của người dân sau khi được số hóa và xác thực sẽ được lưu trữ và có thể tái sử dụng cho các lần giao dịch sau, giúp người dân có thể giải quyết TTHC 24/7 và không phụ thuộc địa giới hành chính; tích hợp định danh điện tử VNeID và căn cước công dân gắn chíp.	tỉnh. - UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành. - UBND cấp xã, phường.		2026; xác định là bài toán lớn cần ưu tiên tổ chức thực hiện ngay trong năm 2026

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
11	Chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa	Xây dựng và triển khai Hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử liên thông giữa doanh nghiệp và cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.	Hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử liên thông giữa doanh nghiệp và cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn được triển khai đảm bảo các nội dung: quản lý văn bản và điều hành điện tử của doanh nghiệp; liên thông văn bản giữa doanh nghiệp và cơ quan nhà nước; quản lý hồ sơ công việc, giao việc, theo dõi tiến độ xử lý; tích hợp ký số điện tử, lưu trữ số và tra cứu văn bản).	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. - UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành. - UBND cấp xã, phường. 	Quý IV/2026	Trên cơ sở yêu cầu triển khai các nhiệm vụ năm 2026; xác định là bài toán lớn cần ưu tiên tổ chức thực hiện ngay trong năm 2026
12	Ứng dụng công nghệ số xây dựng cửa khẩu thông	Hệ thống quản lý thông minh	Hệ thống toàn diện, kết hợp các công nghệ tiên tiến, nhằm mục đích nâng cao	Doanh nghiệp triển khai thực hiện mô hình cửa khẩu thông	Hoàn thành năm 2026	Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
	minh tỉnh Lạng Sơn		<p>hiệu suất hoạt động và mức độ quản lý trong việc quản lý vận hành và bốc dỡ container.</p> <p>Hệ thống này có các khả năng sau: Công nghệ quản lý xe không người lái; Công nghệ nhận dạng thông minh; Chức năng cảm biến; Thu thập dữ liệu theo thời gian thực; Phân tích dữ liệu chuyên sâu; Chức năng cơ sở dữ liệu vận hành xe; Nhận dạng số xe và số container; Hệ thống cảnh báo lẫn lộn container rỗng/đầy; Hệ thống cảnh báo lỗi sớm; Hệ thống trao quyền</p>	minh, Ban Quản lý cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn		06/KH-UBND ngày 10/01/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71/NQ-CP củ Chính phủ năm 2026.

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
			điều khiển giữa 02 bên.			
13	Phần mềm quản lý khu công nghiệp thông minh	- Hệ thống bao quát đầy đủ các lĩnh vực cốt lõi như quản lý đầu tư (quy hoạch - xây dựng, cấp phép xây dựng, bản đồ GIS, cấp giấy chứng nhận, theo dõi tiến độ,...); tài nguyên và môi trường (quan trắc, xử lý chất thải); lao động (cấp phép lao động, lao động nước ngoài, đào tạo). Các phân hệ chức năng (Quản lý đầu tư, Tài nguyên, Môi trường, Lao động, Xây dựng) trực tiếp đáp ứng nhu cầu quản lý thống nhất, đồng bộ, khắc phục tình trạng dữ liệu rời rạc và thiếu cập nhật kịp thời (vấn đề đang gây quá tải cho bộ máy quản lý tại tỉnh).	- Hệ thống thông minh sẽ hỗ trợ số hóa toàn bộ dữ liệu, tích hợp GIS (dữ liệu bản đồ số), camera từ doanh nghiệp, quan trắc môi trường, kết nối với Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu tỉnh. Điều này giúp lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng, chính xác, dựa trên dữ liệu thời gian thực (dashboard điều hành, báo cáo thống kê,...). - Giảm thiểu lãng phí tài nguyên, nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp (phản	Các KCN đang triển khai thực hiện (KCN VSIP, KCN Đồng Bành,...). Bao gồm tất cả đối tượng: Lãnh đạo, cán bộ quản lý, doanh nghiệp, Nhà đầu tư.	Giai đoạn 2026 - 2027	Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 10/01/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ năm 2026.

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mức hoàn thành	Căn cứ đề xuất
		<p>- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật số đồng bộ, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, phù hợp với Nghị định số 269/2025/NĐ-CP về chuẩn hóa dữ liệu và tích hợp GIS - BIM cho KCN. Các phân hệ như quản lý doanh nghiệp (Nhà đầu tư hạ tầng và Nhà đầu tư thứ cấp), tích hợp di động (cho cập nhật thông tin, gửi báo cáo) và chatbot AI đáp ứng nhu cầu tương tác 2 chiều giữa cơ quan và doanh nghiệp/khách hàng.</p> <p>- Tích hợp với hệ thống khác: Sẵn sàng kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP), camera doanh nghiệp, quan trắc môi trường, và dịch vụ công quốc gia, phù hợp với nhu cầu chia sẻ dữ liệu</p>	<p>hồi, báo cáo trực tuyến,...) và hỗ trợ thu hút đầu tư. Giảm tải công việc thủ công, nâng cao minh bạch và hài lòng của Nhà đầu tư, doanh nghiệp.</p>			

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
		giữa các sở ban ngành (Sở Nông nghiệp Môi trường, Công Thương, Tài chính, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ,...).				
14	Xây dựng nền tảng Hạ tầng Dữ liệu Không gian (SDI) dùng chung cấp tỉnh và đẩy mạnh ứng dụng viễn thám, thiết bị bay không người lái (UAV), mô hình không gian 3D phục vụ quản lý toàn diện (quy hoạch xây	<p>- Hệ thống nền tảng: Trung tâm Dữ liệu Không gian (SDI) cấp tỉnh làm nền tảng dùng chung, kết nối liên thông dữ liệu giữa các sở, ban, ngành và địa phương. Nâng cấp hoàn thiện Cổng thông tin quy hoạch tỉnh Lạng Sơn (quyhoach.langson.gov.vn).</p> <p>- Dữ liệu số hóa: Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bộ bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và 1:5.000. Xây dựng mô hình không gian số (đô thị 3D) cho các khu vực trung tâm và khu kinh tế cửa</p>	<p>- Tiêu chí định lượng:</p> <p>+ Hoàn thành 100% chuẩn hóa dữ liệu quy hoạch - xây dựng và nâng cấp Cổng thông tin quy hoạch trong năm 2026.</p> <p>+ Đưa vào triển khai Kế hoạch đầu tư công năm 2026 đối với bộ bản đồ địa hình 1:2.000 và 1:5.000 theo Nghị quyết 70/NQ-HĐND.</p>	<p>- Sở Xây dựng: Quản lý quy hoạch, kiến trúc, trật tự xây dựng, cấp phép xây dựng đô thị.</p> <p>- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Quản lý đất đai, tài nguyên, rừng, chất lượng môi trường nước/không khí, và phòng chống thiên tai.</p>	<p>- Quý I/2026:</p> <p>+ Khảo sát, chuẩn hóa và xây dựng khung pháp lý;</p> <p>+ Rà soát hiện trạng, xây dựng danh mục dữ liệu dùng chung giữa các sở, ngành.</p> <p>+ Hoàn thiện và ban hành quy chuẩn dữ liệu không gian quy hoạch – xây dựng.</p> <p>+ Thiết kế kiến trúc hệ thống Trung tâm Dữ liệu Không gian (SDI).</p>	Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 10/01/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ năm 2026.

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
	dụng, đất đai, tài nguyên môi trường và bảo vệ biên giới) tại tỉnh Lạng Sơn.	<p>khẩu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải pháp/Công cụ ứng dụng: Các công cụ theo dõi, giám sát tự động bằng AI kết hợp ảnh viễn thám (radar, quang học) và UAV để: giám sát biên động sử dụng đất, lấn chiếm đất rừng; theo dõi tiến độ công trình, trật tự xây dựng; phát hiện khai thác khoáng sản trái phép; cảnh báo sạt lở, cháy rừng và giám sát các hoạt động bất thường khu vực giáp biên. - Quy trình/Thể chế: Bộ quy chuẩn đồng bộ về dữ liệu không gian quy hoạch – xây dựng và quy chế chia sẻ, khai thác dữ liệu liên ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> + Khởi tạo tối thiểu 01 mô hình đô thị 3D thí điểm tại khu vực trọng điểm. + Tiêu chí định tính: <ul style="list-style-type: none"> - Khắc phục được tình trạng dữ liệu rời rạc, phân tán; tạo lập cơ chế "một nguồn dữ liệu thống nhất" đúng - đủ - sạch - sống. - Rút ngắn thời gian tra cứu, thẩm định hồ sơ, cung cấp thông tin quy hoạch minh bạch cho người dân và doanh nghiệp. - Cung cấp hình ảnh, dữ liệu thời gian thực (từ UAV) và dữ liệu chu kỳ (từ vệ tinh) giúp các cấp ra quyết 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh & Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng: Quản lý an ninh biên giới, trinh sát, theo dõi đường mòn lối mở và tìm kiếm cứu nạn. - UBND các cấp: Trực tiếp khai thác số liệu trên thiết bị di động/dashboard để phục vụ quản lý địa bàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quý II/2026: <ul style="list-style-type: none"> + Triển khai thu thập dữ liệu và nâng cấp hạ tầng. + Bắt đầu triển khai dự án lập bản đồ 1:2.000 và 1:5.000 theo Kế hoạch đầu tư công. + Tiến hành nâng cấp Cổng thông tin quy hoạch tỉnh. + Thiết lập kết nối, thu thập các nguồn ảnh vệ tinh mở (Sentinel, Landsat) và tổ chức bay chụp UAV tại các điểm nóng đô thị, cửa khẩu. - Quý III/2026: Tích hợp công cụ phân tích và thí điểm mô hình 	

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
			<p>định nhanh chóng, chính xác trong quản lý dân sự và quân sự - quốc phòng.</p>		<p>3D</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tích hợp các thuật toán học máy (Machine Learning/AI) để nhận diện biến động đất đai, rừng, công trình và khu vực biên giới trên hệ thống SDI. + Thí điểm xây dựng mô hình không gian số (đô thị 3D) tại khu vực trung tâm và cửa khẩu. - Quý IV/2026: Đào tạo, vận hành thử nghiệm và nghiệm thu + Chạy thử nghiệm liên thông kết nối nền tảng chia sẻ dữ liệu giữa các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp & Môi trường, và Bộ 	

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
					<p>CHQS tỉnh.</p> <p>+ Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn kỹ thuật tại chỗ (GIS, xử lý ảnh UAV, thiết bị di động) cho đội ngũ chuyên trách.</p> <p>+ Đánh giá, nghiệm thu và chính thức đưa các phân hệ hoàn thành trong năm 2026 vào vận hành thực tế.</p>	
15	Mô hình tổng hợp số liệu sinh vật gây hại và diện tích cây trồng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	<p>- Ứng dụng dưới dạng APP hoặc Web cấp quyền truy cập cho Trung tâm Dịch vụ công ích các xã, phường nhập số liệu điều tra diện tích cây trồng, giai đoạn sinh trưởng cây trồng, tình hình sinh vật gây hại hàng tuần.</p> <p>- Trung tâm Khuyến nông</p>	<p>- Giảm tối thiểu 50–60% thời gian nhập liệu và xử lý số liệu của cán bộ phụ trách.</p> <p>- 100% ứng dụng APP hoặc Web được triển khai và thực hiện nghiêm túc tới Trung tâm Dịch vụ công ích các xã,</p>	Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lạng Sơn; Trung tâm dịch vụ công ích các xã, phường.	<p>- Quý I/2026: Đề xuất nhiệm vụ, khảo sát hiện trạng, lựa chọn địa điểm thí điểm. Xây dựng yêu cầu kỹ thuật, kiến trúc hệ thống và phương án triển khai mô hình.</p> <p>- Quý II/2026: Phát triển, hoàn thiện nền</p>	Bài toán do Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất (Công văn số 1233/SNNMT-KHTC ngày 18/3/2026)

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
		tỉnh có thể theo dõi và thu thập nhanh chóng số liệu đã qua xử lý tổng hợp từ 65 xã, phường	phường. - Mô hình có khả năng sử dụng được lâu dài hình thành một hệ thống từ cấp xã, phường đến cấp tỉnh.		tăng phần mềm số hóa và trích xuất dữ liệu. Triển khai ứng dụng đến các xã, phường. - Quý III/2026: Vận hành thử nghiệm, Đánh giá hiệu quả, hoàn thiện quy trình vận hành. - Quý IV/2026: Tổng kết mô hình thí điểm; hoàn thiện hướng dẫn, quy trình khai thác lâu dài	
16	Triển khai giám sát định kỳ diện tích rừng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn bằng công nghệ UAV (thiết bị	- Hệ thống ảnh chụp từ UAV: Tập hợp các hình ảnh thực tế, rõ nét về hiện trạng rừng tại các khu vực trọng điểm, giúp kiểm lâm xác minh nhanh mà không cần phải đi bộ xuyên rừng vào các địa hình hiểm trở.	- Từng bước ứng dụng công nghệ UAV định kỳ giám sát rừng, phấn đấu đến năm 2030 tối thiểu 80% diện tích rừng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn được	Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>Trực tiếp là Chi cục Kiểm lâm tỉnh và Hạt Kiểm lâm các khu vực</i>)	- Quý II/2026: + Rà soát hiện trạng, phân vùng diện tích rừng trọng điểm giám sát. + Thực hiện các thủ tục cấp phép bay theo	Bài toán do Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất (Công văn số 1233/SNNMT-KHTC ngày 18/3/2026)

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
	bay không người lái)	- Thông báo/ Báo cáo về biến động rừng	<p>giám sát định kỳ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 70-80 % công chức kiểm lâm chuyên trách biết sử dụng UAV phục vụ giám sát diện tích rừng trên địa bàn. - Tăng độ chính xác của việc xác định biến động rừng lên trên 80%. - Giảm 60-70% thời gian xác minh một điểm biến động rừng từ vài ngày xuống còn vài giờ. - Phần đầu đến năm 2030, 100% các đơn vị trực thuộc Chi cục Kiểm lâm được trang bị UAV. 		<p>quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn Công chức Kiểm lâm chuyên trách sử dụng UAV và xử lý ảnh chụp từ UAV. + Triển khai bay chụp diện rộng trên các khu vực trọng điểm, kết hợp kiểm tra thực địa xác minh đối với các diện tích chưa nhận diện rõ từ ảnh chụp UAV. + Ban hành các thông báo/báo cáo về biến động rừng. - Quý III/2026: Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc sử dụng UAV tại các đơn vị. Tổng hợp phản hồi từ các đơn vị, hoàn thiện quy 	

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
					<p>trình quản lý, sử dụng UAV phù hợp với thực tế để tiếp triển khai bay chụp.</p> <p>- Quý IV/2026: Tổng hợp, đánh giá hiệu quả lồng ghép trong báo cáo năm của đơn vị; Hoàn thiện quy trình quản lý, sử dụng dựa trên Quy chế của Chi cục Kiểm lâm</p>	
17	Chuyển đổi số toàn diện trong quản trị và sản xuất cho hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh	<p>- Nền tảng số quản trị HTX nông nghiệp (quản lý thành viên, tài chính – kế toán, sản xuất, tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc).</p> <p>- Hệ thống ứng dụng công nghệ số trong sản xuất (IoT giám sát môi trường, nhật ký sản xuất điện tử, dự báo năng suất, sâu bệnh).</p>	<p>- Tỷ lệ HTX nông nghiệp áp dụng nền tảng số trong quản trị và sản xuất.</p> <p>- Số lượng HTX triển khai nhật ký sản xuất điện tử, truy xuất nguồn gốc.</p> <p>- Tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp của</p>	UBND các xã; Các HTX nông nghiệp; Liên minh HTX	<p>- Giai đoạn xây dựng nền tảng, thí điểm: đến hết năm 2026</p> <p>- Giai đoạn đánh giá, hoàn thiện: năm 2027</p> <p>- Giai đoạn nhân rộng: từ năm 2028 trở đi</p>	Chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở đề xuất của UBND xã Chiến Thắng (Công văn số 286/UBND-VHXH ngày 19/3/2026).

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
		<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở dữ liệu số về HTX nông nghiệp (quy mô, sản phẩm, vùng trồng, năng lực sản xuất, thị trường). - Giải pháp truy xuất nguồn gốc và kết nối tiêu thụ sản phẩm (mã QR, tích hợp sàn thương mại điện tử). - Mô hình HTX nông nghiệp số thí điểm theo từng lĩnh vực (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp...). - Bộ tài liệu hướng dẫn, quy trình triển khai và phương án nhân rộng. 	<p>HTX được số hóa thông tin và kết nối tiêu thụ trên nền tảng số.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức tăng năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc giảm chi phí sản xuất so với trước khi triển khai. - Số lượng giao dịch, hợp đồng tiêu thụ được thực hiện qua nền tảng số. - Mức độ hài lòng của HTX và người dân tham gia. 			
18	Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh dựa trên nền tảng số và dữ liệu nhằm	<ul style="list-style-type: none"> - Nền tảng du lịch thông minh tích hợp (công thông tin, ứng dụng di động cung cấp thông tin điểm đến, dịch vụ, đặt vé, thanh toán, phản hồi). 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ điểm du lịch, cơ sở dịch vụ được số hóa và tích hợp lên nền tảng. - Số lượng người dùng (du khách) truy 	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn xây dựng nền tảng, thí điểm: đến hết năm 2027. - Giai đoạn đánh giá, hoàn thiện: năm 2028. 	Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 06/KH-UBND

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
	<p>nâng cao trải nghiệm du khách và hiệu quả quản lý du lịch trên địa bàn tỉnh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cơ sở dữ liệu du lịch số hóa (điểm đến, cơ sở lưu trú, dịch vụ, sự kiện, hành vi du khách). - Bản đồ du lịch số và hệ thống hướng dẫn thông minh (AR/VR, thuyết minh tự động đa ngôn ngữ). - Các mô-đun ứng dụng AI (gợi ý lịch trình cá nhân hóa, phân tích xu hướng du lịch, dự báo lượng khách). - Hệ thống quản lý, giám sát hoạt động du lịch phục vụ cơ quan quản lý (theo dõi lưu lượng khách, chất lượng dịch vụ, phản ánh của du khách). - Mô hình điểm du lịch thông minh thí điểm tại một số khu/điểm trọng điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> cập, sử dụng nền tảng du lịch thông minh. - Tỷ lệ dịch vụ du lịch được cung cấp trực tuyến (đặt vé, thanh toán, phản hồi). - Thời gian tiếp cận thông tin, dịch vụ của du khách giảm so với trước. - Mức độ hài lòng của du khách (qua khảo sát, đánh giá trực tuyến). - Tăng trưởng lượng khách du lịch và doanh thu du lịch. - Khả năng phân tích, dự báo phục vụ công tác quản lý nhà nước. 		<ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn nhân rộng toàn tỉnh: từ năm 2029 trở đi. 	

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
		- Bộ tiêu chuẩn, quy trình triển khai và phương án nhân rộng trên toàn tỉnh.				
19	Xây dựng và triển khai lộ trình đổi mới công nghệ tỉnh Lạng Sơn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh và đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn 2035	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng thể hiện trạng công nghệ. - Bản đồ công nghệ các ngành/lĩnh vực. - Lộ trình đổi mới công nghệ (ban hành chính thức). - Danh mục công nghệ ưu tiên. - Danh mục nhiệm vụ KH&CN & ĐMST giai đoạn 2026 - 2030. - Bộ cơ chế, chính sách hỗ trợ. 	Giai đoạn 2026: <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành bộ tiêu chí đánh giá công nghệ - Khảo sát $\geq 70\%$ DN/đơn vị sản xuất chủ lực - Xác định $\geq 3-5$ ngành ưu tiên - Ban hành 01 lộ trình ĐMCN cấp tỉnh Giai đoạn 2027–2030: <ul style="list-style-type: none"> - $\geq 15-20\%$ DN có hoạt động đổi mới công nghệ - $\geq 30\%$ DN ứng dụng công nghệ số - $\geq 50\%$ sản phẩm chủ lực ứng dụng công nghệ tiên tiến hoặc chế biến sâu. - Năng suất lao động tăng $\geq 7-8\%/năm$ 	Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, các Sở, ban, ngành	Giai đoạn 2026: <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành 100% bộ tiêu chí đánh giá công nghệ - Khảo sát $\geq 70\%$ DN/đơn vị sản xuất chủ lực - Xác định $\geq 3-5$ ngành ưu tiên - Ban hành lộ trình ĐMCN cấp tỉnh Giai đoạn 2027–2030: <ul style="list-style-type: none"> - $\geq 15-20\%$ DN có hoạt động đổi mới công nghệ - $\geq 30\%$ DN ứng dụng công nghệ số. - $\geq 50\%$ sản phẩm chủ lực ứng dụng công nghệ tiên tiến hoặc chế biến sâu. - Năng suất lao động tăng $\geq 7-8\%/năm$ - Tốc độ tăng trưởng 	Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 10/01/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ năm 2026.

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
			- Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh phần đầu đạt mức hai con số ($\geq 10\%/năm$), trong đó đóng góp của đổi mới công nghệ và ĐMST chiếm tỷ trọng ngày càng cao (ước $\geq 5-7\%$ GRDP)		GRDP của tỉnh phần đầu đạt mức hai con số ($\geq 10\%/năm$), trong đó đóng góp của đổi mới công nghệ và ĐMST chiếm tỷ trọng ngày càng cao (ước $\geq 5-7\%$ GRDP).	
20	Xây dựng và vận hành Trung tâm đổi mới sáng tạo và phát triển hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Lạng Sơn, góp phần nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, thúc	- Thành lập và đưa vào vận hành: + Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số cấp tỉnh. + Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp và ĐMST - Mô hình không gian làm việc chung (co-working space). - Mạng lưới chuyên gia, cố vấn khởi nghiệp. - Chương trình ươm tạo,	Giai đoạn 2026: - Hoàn thiện hồ sơ, thành lập ≥ 01 trung tâm. - Xây dựng mô hình tổ chức, cơ chế vận hành - Hình thành mạng lưới $\geq 05-10$ chuyên gia/cố vấn. Giai đoạn 2027-2030: - Hỗ trợ $\geq 10 - 20$ dự án khởi nghiệp. - Ươm tạo $\geq 05 - 10$ dự án.	UBND tỉnh - Sở KH&CN (đầu mối) - Các Sở: Tài chính, Công Thương, NN&MT, XD - Doanh nghiệp, HTX, startup - Các viện, trường, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp,...	- Quý I/2026: + Hoàn thiện hồ sơ pháp lý thành lập trung tâm + Xây dựng đề án tổ chức và mô hình hoạt động - Quý II/2026: + Thành lập Trung tâm - Quý III/2026: + Đưa vào vận hành thí điểm + Hình thành mạng lưới chuyên gia, cố vấn	Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 10/01/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ

STT	Tên bài toán	Sản phẩm đầu ra	Chỉ tiêu đo lường	Đơn vị tiếp nhận/ứng dụng	Mốc hoàn thành	Căn cứ đề xuất
	đẩy chuyển đổi số và đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2026 – 2030	<p>đào tạo khởi nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ chế vận hành trung tâm theo mô hình xã hội hóa. - Danh mục nhiệm vụ KH&CN & ĐMST hỗ trợ hệ sinh thái. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập mới ≥ 03 - 05 DN khởi nghiệp ST. - Tổ chức ≥ 02-05 chương trình đào tạo/năm. - Tăng điểm số Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII). - Tăng số đơn ĐK SHTT (sáng chế/GPHI) ≥ 02. - Góp phần thúc đẩy tăng trưởng GRDP $\geq 10\%/năm$. 		<ul style="list-style-type: none"> - Quý IV/2026: + Vận hành chính thức trung tâm + Triển khai chương trình hỗ trợ khởi nghiệp. - Giai đoạn 2027–2030: + Vận hành ổn định và mở rộng quy mô + Triển khai chương trình ươm tạo, tăng tốc khởi nghiệp + Kết nối viện – trường – doanh nghiệp + Nhân rộng mô hình hệ sinh thái 	năm 2026.